TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2025/HS-ST
Ngày 16-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính.

Bà Trần Thị Chúc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hoàng Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 172/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/3/1999; tên gọi khác: Không có; nơi ở hiện nay: thôn B, xã H, huyện C, Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông: Nguyễn Đình S, sinh năm 1971 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; có chồng là Nguyễn Quang L, sinh năm 1994; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 06/6/2024, đến ngày 14/6/2024 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an thành phố H. Có mặt.

- *Bị hại*:

1. Chị Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 1989, nơi cư trú: số C đường P, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Như N, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ A, thị trấn Q, huyện M, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Chị Hà Thị P, sinh năm 1999; địa chỉ: khu D thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

4. Chị Lê Thị Phương N1, sinh năm 1997; trú tại: số B L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Thúy N2, sinh năm 1978; trú tại: D N, quận T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

6. Chị Lại Thị Minh H, sinh năm 1981; trú tại: Tổ A khu C, phường C, thành phố C, Quảng Ninh. Vắng mặt.

7. Chị Trần Thị L1, sinh năm 1993; trú tại: Đ, phường C, thành phố T, Bắc Ninh. Vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thu H1, sinh năm 2002; trú tại: Thôn P, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

9. Chị Mai Thị Huyền T2, sinh năm 2000; trú tại: Số I tổ F, khu phố C, phường L, thành phố B, Đồng Nai. Vắng mặt.

10. Chị Phạm Trang M, sinh năm 2002; trú tại: Số C N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

Chị Nguyễn Anh T3 và anh Nguyễn Quang L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01 năm 2024, Nguyễn Thị T1 sử dụng các tài khoản Facebook mang tên "*Thuý Trần"*, "*Nguyễn Thu*" và các tài khoản zalo mang tên: "*Mai Thu*" để đăng bán các sản phẩm nhỏ lẻ như lạp xưởng, hạt mix, cây quất cảnh… phục vụ cho dịp Tết Nguyên đán. Thực tế tại thời điểm này, T1 không có các mặt hàng như đã đăng nhưng do thiếu tiền nên T1 đã nảy sinh ý định vào các trang mạng tìm người mua hàng để nhận đặt cọc rồi chiếm đoạt tiền của họ. Để tránh bị phát hiện thông tin cá nhân, T1 mượn tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần Q (viết tắt là M4) số tài khoản 31001230072007 của cháu họ là Nguyễn Anh T3 để làm tài khoản trung gian nhận tiền từ những người mua hàng chuyển tiền cọc. Sau khi nhận được tiền, T1 bảo cháu Anh T3 chuyển số tiền trên sang số tài khoản 45010006652035 tại Ngân hàng M4 của T1.

Ngày 16/01/2024 khi T1 đang sử dụng mạng xã hội Facebook thì thấy trên trang "*Nguồn sỉ ăn vặt bánh kẹo nội địa Trung Quốc - Đài Loan"* có 01 tài khoản tên "*Thu N3"* của chị Nguyễn Thị Minh T1 nhắn tin trên trang với nội dung muốn nhập hàng lạp xưởng về bán lẻ. T1 dùng tài khoản zalo có tên "*Mai T4"* kết bạn với chị Minh T1 để chào bán các mặt hàng mà chị Minh T1 đang có nhu cầu mua. Chị Minh T1 hỏi mua của T1 02 thùng lạp xưởng, 08 thùng hạt mix. T1 đã sử dụng số điện thoại 0856641994 đăng ký thuê bao của chồng là Nguyễn Quang L để gọi điện bằng hình ảnh qua ứng dụng zalo với chị Minh T1 và đề nghị chị Minh T1 chuyển trước số tiền cọc là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng vào số tài khoản 31001230072007 tại Ngân hàng M4 mang tên NGUYEN ANH THU. Chị Minh T1 tin tưởng nên đã chuyển khoản từ số tài khoản 07490071701 tại Ngân hàng T5 của mình đến tài khoản của NGUYEN ANH THU số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Một lúc sau, chị Minh T1 nhắn tin cho T1 đề nghị hủy

đi một thùng lạp xưởng, T1 đồng ý và đề nghị chị Minh T1 chuyển nốt số tiền 3.450.000 (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng. Sau đó, chị Minh T1 đã dùng số tài khoản 3281166842 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đến số tài khoản 31001230072007 tại Ngân hàng M4 mang tên NGUYEN ANH THU. Khi cháu A T3 nhận được tiền cọc đã chuyển khoản luôn số tiền trên về tài khoản của T1. Tiếp đó, T1 chặn tài khoản zalo của chị Minh T1 đồng thời thu hồi các tin nhắn đã gửi trước đó nhằm chiếm đoạt tài sản của chị Minh T1. Ngày 19/01/2024, chị Minh T1 đã đến Công an phường B, quận K để trình báo sự việc. Đến ngày 06/6/2024, T1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K giữ người trong trường hợp khẩn cấp và thu giữ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 ProMax màu vàng gold đã qua sử dụng.

Quá trình mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã chứng minh được bằng những thủ đoạn như trên, T1 đã chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại khác, cụ thể:

+ Ngày 10/01/2024, chị Nguyễn Như N nhắn tin cho T1 qua ứng dụng Facebook đặt mua lạp xưởng, sau khi thỏa thuận, T1 yêu cầu chị N chuyển đặt cọc số tiền 2.000.000 đồng. Chị N đã chuyển đủ số tiền đặt cọc từ số tài khoản 4270051974 tại Ngân hàng Đ của mình đến số tài khoản 45010006652035 tại Ngân hàng M4 của T1. Sau khi nhận được tiền cọc T1 đã không giao hàng, chặn liên lạc và chiếm đoạt số tiền cọc 2.000.000 đồng của chị N.

+ Ngày 12/01/2024, chị Hà Thị P nhắn tin cho T1 qua ứng dụng Facebook đặt mua lạp xưởng, hạt mix. Sau khi thoả thuận, T1 yêu cầu chị P chuyển đặt cọc số tiền 2.704.000 đồng. Chị P đã chuyển đủ số tiền đặt cọc từ tài khoản 0351001078828 của mình tại Ngân hàng V đến số tài khoản 45010006652035 tại Ngân hàng M4 của T1. Sau khi nhận được tiền cọc, Nguyễn Thị T1 đã không giao hàng, chặn liên lạc và chiếm đoạt số tiền cọc 2.704.000 đồng của chị P.

+ Ngày 20/01/2024, chị Lê Thị Phương N1 có lên mạng xã hội nhắn tin qua ứng dụng zalo cho T1 để mua hàng Lạp xưởng, xúc xích. Sau khi thỏa thuận, T1 yêu cầu chị N1 chuyển tiền cọc số tiền 4.250.000 đồng. Chị N1 dùng số tài khoản 103878900620 tại Ngân hàng V1 của mình chuyển đủ số tiền đặt cọc mà T1 yêu cầu vào số tài khoản 31001230072007 tại Ngân hàng M4 mang tên NGUYEN ANH THU. Sau khi nhận tiền, Cháu Anh T3 tiếp tục chuyển số tiền này vào số tài khoản 45010006652035 tại Ngân hàng M4 mang tên NGUYEN THI THU, nhưng Nguyễn Thị T1 đã không giao hàng, chặn liên lạc và chiếm đoạt số tiền cọc của chị N1.

+ Ngày 20/01/2024 chị Nguyễn Thị Thúy N2 có lên mạng xã hội zalo nhắn tin cho Nguyễn Thị Thu M1 cây quất chơi tết. Sau khi thỏa thuận, T1 yêu cầu chị N2 chuyển tiền đặt cọc mua hàng là 2.375.000 đồng. Chị N2 đã dùng số tài khoản 0983745558 tại Ngân hàng M4 của mình chuyển đủ số tiền mà T1 yêu cầu vào số tài khoản 31001230072007 tại Ngân hàng M4 mang tên NGUYEN ANH THU. Sau khi nhận tiền, cháu T3 đã chuyển số tiền này vào tài số khoản 45010006652035 tại Ngân hàng M4 mang tên NGUYEN THI THU, nhưng T1 đã không giao hàng, chặn liên lạc và chiếm đoạt số tiền cọc của chị N2.

Như vậy, tổng số tiền T1 chiếm đoạt của 05 bị hại nêu trên là 17.279.000 (mười bảy triệu hai trăm bảy chín nghìn) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị T1 đã tác động đến gia đình khắc phục số tiền 5.950.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Minh T1; 2.700.000 đồng cho chị Hà Thị P, 2.000.000 đồng cho chị Nguyễn Như N, 2.375.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Thúy N2; 4.250.000 đồng cho chị Lê Thị Phương N1. Những người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nào khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Thị T1.

Ngoài ra, Nguyễn Thị T1 còn khai nhận bằng hình thức lừa đảo trên T1 còn chiếm đoạt của chị Lại Minh H số tiền 1.650.000 đồng, Trần Thị L1 số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Thu H1 số tiền 1.820.000 đồng, Nguyễn Thu H1 số tiền 55.000 đồng, Mai Thị Huyền T2 số tiền 300.000 đồng, Phạm Trang M số tiền 1.650.000 đồng, Đào Thị Tuyết M2 số tiền 6.650.000 đồng, Nguyễn Thị Phương H2 số tiền 780.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã gửi Công văn đến các Ngân hàng yêu cầu cung cấp thông tin chủ tài khoản và đã ra Quyết định ủy thác điều tra tuy nhiên đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Thị T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T1 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 mức án từ 12 đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Xử lý các vấn đề về án phí, vật chứng, quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại.

Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến gì về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh đối với bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Liên tiếp vào các ngày 10, 12, 16 và 20/01/2024, tuy không có các mặt hàng lạp xưởng, hạt mix, cây quất cảnh… để bán phục vụ tết Nguyên đán, nhưng Nguyễn Thị T1 vẫn sử dụng mang xã hội Facebook để quảng cáo các mặt hàng tết; sử dụng phần mềm Zalo trên điện thoại của chồng (anh Nguyễn Quang L) để gọi điện, nói chuyện trực tiếp với bị hại nhằm tạo niềm tin; mượn tài khoản ngân hàng của cháu Nguyễn Anh T3 để yêu cầu các bị hại chuyển tiền mua hàng vào rồi sau đó chiếm đoạt. Tổng số tiền bị cáo T1 đã chiếm đoạt của chị Minh T1, N, P, N1, N2 là 17.279.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị T1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức được pháp luật pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Liên tiếp vào các ngày 10, 12, 16 và 20/01/2024 bị cáo có 05 lần sử dụng hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại. Mỗi lần chiếm đoạt đều có giá trị tài sản trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là *"phạm tội 2 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; đã tác động đến gia đình bồi thường đầy đủ cho bị hại nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là "Thành khẩn khai báo" và "bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả". Ngoài ra bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ vào các phân tích nêu trên Hội đồng xét xửt xét thấy đề nghị mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp; cần thiết phải bắt bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo cũng như có đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo trở thành người lương thiện và phòng ngừa chung.

[5] Hội đồng xét xử cũng xét các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập nên không buộc các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các vấn đề khác:

[6.1] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho các người bị hại là các chị Minh T1, N, P, N1, N2. Những người này không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị T1 còn khai nhận bằng hình thức lừa đảo trên T1 còn chiếm đoạt của chị Lại Minh H số tiền 1.650.000 đồng, Trần Thị L1 số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Thu H1 số tiền 1.820.000 đồng, Nguyễn Thu H1 số tiền 55.000 đồng, Mai Thị Huyền T2 số tiền 300.000 đồng, Phạm Trang M số tiền 1.650.000 đồng, Đào Thị Tuyết M2 số tiền 6.650.000 đồng và Nguyễn Thị Phương H2 số tiền 780.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã gửi Công văn đến các Ngân hàng yêu cầu cung cấp thông tin chủ tài khoản và đã ra Quyết định ủy thác điều tra nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau. Hội đồng xét xử nhận định: Theo lời khai của bị cáo T1, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các chị H, L1, H1, T2, M, M2, H2 là 13.905.000 đồng. Nếu cộng với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các chị Minh T1, N, P, N1, N2 thì tổng số tiền chiếm đoạt là 31.184.000 đồng, không ảnh hưởng tới việc xét xử và kết án đối với bị cáo Nguyễn Thị T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do vậy, trường hợp vụ việc được cơ quan công an tiếp tục làm rõ thì các chị H, L1, H1, T2, M, M2, H2 có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để yêu cầu bị cáo T1 bồi thường cho mình nếu có yêu cầu.

[6.3] Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 13 ProMax màu vàng gold qua sử dụng là vật dụng hàng ngày của bị cáo, có sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không phải là vật chứng của vụ án, cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm nghĩa vụ về án phí hình sự sơ thẩm của bị cáo.

[6.4] Đối với Nguyễn Anh T3 và Nguyễn Quang L quá trình điều tra xác định T3 và L không tham gia Lừa đảo chiếm đoạt tài sản cùng Nguyễn Thị T1. Việc bị hại chuyển tiền đến tài khoản Ngân hàng của T3 là do Nguyễn Thị Thu M3 tài khoản Ngân hàng của T3 để giao dịch nhưng không nói cho T3 biết nội dung chuyển khoản tiền. Việc T1 mượn số thuê bao 0856641994 của anh L để sử dụng với mục đích để vào mạng và liên lạc với khách mua hàng nhưng anh L không biết và không liên quan đến việc T1 lừa đảo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K không xử lý là có cơ sở, Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 174; Điều 38; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax màu gold, có số IMEI 1: 350019045320856; số IMEI 2: 350019045439607 qua sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án. Bị cáo T1 sẽ được nhận lại chiếc điện thoại này sau khi thi hành xong khoản tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/01/2025 giữa Công an quận K và Chi cục Thi hành án Dân sự quận K)

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T1 phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND quận K;
- Phòng PC10, PV06 – Công an TP Hải Phòng;
- Công an quận K;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Chi cục THA DS quận K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Định